

## THẮNG TƯỚNG THỨ BẢY

### I. GIẢI THÍCH Y TÂM HỌC XỨ TƯỚNG THÙ THẮNG

**Luận nói:** Như vậy đã nói nương vào giới học sai biệt. Thế nào phải biết nương vào sự sai biệt của tâm?

**Giải thích:** Giới Bồ-tát cùng với Nhị thừa giới đã có sai biệt, giới làm y chỉ của định, định nương vào giới được thành. Bồ-tát định cùng với Nhị thừa định cũng phải có sai biệt. Làm thế nào biết được?

**Luận nói:** Lược nói do sáu thứ sai biệt phải biết.

**Giải thích:** Nếu rộng nói thì như chỗ lập Tam-ma-bạt-đề của tạng Đại thừa, thể và loại sai biệt có năm trăm thứ, Tam-ma-bạt-đề mà Luận thanh tịnh đạo lập của Tiểu thừa, thể và loại sai biệt có sáu mươi bảy thứ. Hiện tại lược nói, chỉ thuyết minh sáu thứ sai biệt, phải biết nghĩa này.

**Luận nói:** Những gì là sáu thứ? 1. Cảnh sai biệt. 2. Chúng loại sai biệt. 3. Đối trị sai biệt. 4. Tùy dụng sai biệt. 5. Tùy dẫn sai biệt. 6. Do sự sai biệt. Cảnh sai biệt, là do duyên pháp Đại thừa làm cảnh mà khởi.

**Giải thích:** Sở duyên có ba cảnh:

1. Duyên tất cả cảnh chân như.
2. Duyên tất cả cảnh văn tự và ngôn thuyết.
3. Duyên tất cả cảnh lợi ích của chúng sanh.

Ba cảnh này gọi là pháp Đại thừa, chỉ là đối tượng của định Bồ-tát, không phải cảnh định của Nhị thừa, cho nên nói sai biệt.

Lại có mười hai thứ cảnh như Luận Trung Biên nói:

1. Chỗ thành lập cảnh là nói rằng mười Ba-la-mật là chỗ thành lập mười thứ công đức của chân như.

2. Có khả năng thành lập cảnh, là công đức của mười thứ pháp giới, có thể thành lập mười Ba-la-mật.

3. Cảnh trì là đối tượng pháp môn của Văn tuệ, Văn tuệ có thể đắc thể của A-hàm, tức là nói Văn tuệ làm trì.

4. Cảnh quyết định trì là đối tượng cảnh như lý như lượng của Tư tuệ, Tư tuệ có thể chọn lựa A-hàm và đạo lý, là tuệ thuần thực cho nên gọi là quyết định trì.

5. Cảnh chứng trì là đối tượng của tu tuệ, tu tuệ cùng với đạo lý là một thể cho nên gọi là chứng, có thể nhiếp văn tự và nghĩa cho nên gọi là trì.

6. Cảnh thông đạt là chỗ thấy chân như của Sơ địa.

7. Cảnh tương tục là đối tượng chân như của địa thứ hai trở lên, đã thông đạt chân như truyền lưu cho nên gọi là tương tục. Đối tượng của tương tục này gọi là cảnh tương tục.

8. Cảnh thắng hạnh là đối tượng của tâm vô tướng và vô công dụng, tức là cảnh của địa thứ tám.

9. Cảnh sinh trí là đối tượng trí tự tại y chỉ chân như của địa thứ chín, đắc bốn vô ngại giải, có thể sinh trí cho người khác. Lại cũng duyên pháp tạng của Như Lai, có thể tự sinh thế trí và xuất thế trí.

10. Cảnh thắng là đối tượng của phẩm trí thượng thượng. Trí này không có trí nào trên nữa, tức là cảnh của mười địa, trí này lấy mười lực làm thể, trí năng vô biên gọi là lực. Trí này căn cứ theo mười cảnh gọi là mười lực. Mười lực này có thể thành tựu mười địa của Bồ-tát và chín thứ chánh sự của Như Lai, cho đến vô biên Hóa thân.

11 và 12. Cảnh là đối tượng của tất cả trí và tất cả chủng trí, tức là cảnh như lý và như lượng.

Mười hai cảnh này là chung làm đối tượng của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, là đối tượng của tất cả định tuệ không ngoài mười hai cảnh này.

**Luận nói:** Chúng loại sai biệt.

**Giải thích:** Có bốn thứ Tam-ma-đề, tức là năm trăm định phẩm loại cho nên gọi là chúng loại. Trong Tiểu thừa cho đến chưa nghe tên đó, huống gì có thể tu tập, cho nên nói là sai biệt. Bốn thứ Tam-ma-đề này có khả năng phá bốn chướng ngại đức, tức là bốn thứ sinh tử, có thể đắc bốn quả đức. Bốn đức ấy chính là tịnh, ngã, lạc, thường. Lập bốn định này làm bốn đức.

**Luận nói:** Đại thừa quang Tam-ma-đề.

**Giải thích:** Đại thừa có ba nghĩa:

1. Tánh. 2. Tùy. 3. Đắc.

Tánh tức là ba vô tánh. Tùy tức là chỗ nhiếp của hạnh phước đức và trí tuệ, mười địa và mười Ba-la-mật tùy thuận vô tánh. Đắc tức là chỗ đắc quả bốn đức, định này duyên ba nghĩa này làm cảnh cho nên gọi là Đại thừa. Ý chỉ định này mà đắc vô phân biệt trí. Do vô phân biệt trí chiếu soi chân như và Phật không khác nhau cho nên gọi là quang. Loại có mười lăm thứ quang công đức thù thắng hơn ánh sáng bên ngoài cho nên gọi là quang. Lại nữa, định này có thể phá tập khí ám độn vô minh của Nhất-xiển-đề, là đối trị của mê mờ cho nên gọi là quang. Định này duyên chân như thật có và để đắc, có vô lượng công đức cho nên có thể phá tập khí của Nhất-xiển-đề, tức là chướng sinh tử phương tiện. Đối

với đại tịnh do phá chướng này cho nên đắc quả đại tịnh.

**Luận nói:** Tập phước đức vương Tam-ma-đề.

**Giải thích:** Tất cả thiện pháp chỉ trừ Bát-nhã, còn lại những pháp khác đều gọi là phước đức. Phước đức này có bốn phẩm, là phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát. Bồ-tát thì do định này cho nên đối với bốn thứ phước đức chưa sinh thì có thể sinh, chưa tròn đầy thì có thể tròn đầy, cho nên gọi là tập. Đối với sinh trưởng tròn đầy ba xứ tự tại cho nên gọi là vương, do tự tại cho nên có thể hành thí... mười độ. Viên mãn Bồ-đề tư lương và phước đức, có thể phá tập khí ngã kiến của ngoại đạo, tức là nhân duyên chướng ngại sinh tử đối với đại ngã. Do phá chướng này cho nên đắc quả đại ngã. Lại nữa, tất cả thiện pháp nương vào chân như, chân như có thể tập hợp tất cả thiện pháp, gọi chân như là tập phước đức. Định này trong chân như đắc tự tại cho nên gọi là vương.

**Luận nói:** Hiền hộ Tam-ma-đề.

**Giải thích:** Hiền có hai nghĩa:

1. Có thể trụ an lạc hiện tiền.
2. Có thể dẫn dắt các công đức.

Trụ an lạc hiện tiền, là định này có thể khiến cho thân của Bồ-tát không xả tánh hư không, khỏi phải lìa ba cõi cho nên được trụ an lạc. Dẫn dắt các công đức. Nghĩa là có thể dẫn dắt các định không thể tính lường, không phải chỗ nghe biết của Nhị thừa. Nhân theo đây mà mỗi mỗi định đều khởi vô lượng thông tuệ. Do hai nghĩa này, do đó Bồ-tát có thể lìa tập khí sợ hãi của Thanh-văn, tức là có chướng ngại sanh tử đối với sự an vui lớn lao, do phá chướng này cho nên đắc quả an vui lớn lao. Định này duyên chân như làm thể của Bồ-tát, không lìa trí mà có thể dẫn các định và thông tuệ, lấy định làm thể.

**Luận nói:** Các Thủ-lăng già-ma Tam-ma-đề.

**Giải thích:** Định này là chỗ hành của mười địa Bồ-tát và Phật cho nên được tên này. Tại sao vậy? Mười địa Bồ-tát và Phật có bốn thứ công đức thù thắng cho nên gọi là Thủ-lăng:

1. Không sợ hãi, là do đắc tất cả trí.
2. Vô Ngại, là đối với chúng sinh thanh tịnh thấy tự thân vô đẳng.
3. Thấy công đức thật, là hằng tại quán không tán loạn.
4. Có khả năng thù thắng, là có thể phá nạn, phá chướng trụ địa vô minh.

Người có đủ bốn đức thì đối với định này thì có thể đắc năng hành, cho nên gọi là Già-ma. Định này phần nhiều là làm việc lợi ích

cho người khác, có thể phá tập khí tự ái của Độc giác, tức là không có chướng sinh tử đối với sự thường hằng cao cả. Do phá chướng này cho nên đặc quả thường hằng cao cả. Chữ “Đẳng (các)” là nêu ra các thứ định.

**Luận nói:** Nhiếp chủng chủng Tam-ma-đề phẩm Loại.

**Giải thích:** Năm trăm định gọi là chủng chủng, đều là phẩm loại của bốn định, đều làm chỗ nhiếp của bốn định.

**Luận nói:** Đối trị sai biệt, là do duyên tất cả pháp làm cảnh trí tuệ chung.

**Giải thích:** Vô phân biệt trí duyên chân như của tất cả pháp hữu vi và pháp vô vi làm chung một cảnh. Trí này cùng với cảnh không có phân biệt trở lại.

**Luận nói:** Như lấy phương tiện để nếm theo.

**Giải thích:** Như thế gian muốn chẻ gỗ, trước dùng nêm nhỏ, sau đó dùng nêm to, người tu Quán hành pháp phiền não cũng như thế, trước hết dùng đạo kém, sau đó mới dùng đạo thù thắng.

**Luận nói:** Trước bản thức, nhỏ ra tất cả chướng thô nặng.

**Giải thích:** Trong bản thức tương tục có chủng tử nhiễm trước của ba phẩm phiền não và nghiệp báo. Đây gọi là tập khí có thể chướng ngại bốn đức. Nhờ định này, tập khí nào chưa diệt thì làm cho nó diệt, đã diệt thì khiến cho không sinh. Năng đối trị, sở đối trị và sở đắc của đối trị cùng với Nhị thừa đều bất đồng, cho nên nói sai biệt.

**Luận nói:** Tuy dụng sai biệt, là đối với hiện đời an trụ đã lâu trong hỷ lạc của Tam-ma-đề, thì có thể thọ sinh vào nơi thù thắng như ý.

**Giải thích:** Chủng chủng phương tiện của Bồ-tát trị tâm khiến cho thuần thực, cũng như thợ vàng luyện vàng khiến cho chân thật, đã trị tâm thuần thực rồi thì gọi là tùy dụng. Tại sao vậy? Vì do định này, Bồ-tát nếu muốn thành thực Phật pháp duyên tất cả cảnh, thì có thể như ý được trụ lâu dài, chưa đắc thì khiến cho đắc. Đã đắc thì khiến cho viên mãn, đã viên mãn thì khiến cho không thoái lui. Trong đời hiện tại có khả năng như vậy. Đối với chỗ thọ trong vị lai có thể làm nhiều sự lợi ích chúng sinh, và gặp Phật ra đời được nghe chánh pháp. Do vậy gọi là được sinh vào nơi thù thắng. Do định này mà Bồ-tát đối với nơi thọ sinh thù thắng được ba thứ thủ trụ xả, có thể tùy ý vận dụng không thoái chuyển không cùng tận. Trong Thanh-văn thừa không có định như vậy, cho nên nói sai biệt.

**Luận nói:** Tùy dẫn sai biệt nghĩa là có thể dẫn thông tuệ vô ngại đối với tất cả thế giới.

**Giải thích:** Bồ-tát có định đại sự nghĩa là đối với tất cả sự và tất cả xứ đều không có ngăn ngại. Dẫn có hai nghĩa:

1. Năng dẫn là thế lực của định, hoặc tùy người, hoặc tùy cảnh, hoặc tùy tu. Nếu người lợi căn thì duyên cảnh vô vi, được ba thứ tự tại nhập trụ xuất.

2. Sở dẫn là chỗ thành sự của định. Động địa phóng quang... Trong sự này là thông tuệ thù thắng không thể đạt, mọi sự bày ra đều như tâm.

Mê hoặc không thể che kín, nghiệp không thể trở ngại, cho nên gọi là vô ngại dẫn, chỉ có thể mà không có dụng. Dụng tức là sự sai biệt, chỉ có Bồ-tát mới có định này, không phải chỗ tu của Nhị thừa cho nên nói sai biệt.

**Luận nói:** Do sự sai biệt.

**Giải thích:** Do sự như vậy, phải biết định của Bồ-tát cùng với định của Nhị thừa có sai biệt. Thế nào là sự ?

**Luận nói:** Khiến cho động.

**Giải thích:** Có thể gây chấn động mười phương thế giới một cách như ý.

**Luận nói:** Phóng quang.

**Giải thích:** Có thể chiếu soi mười phương thế giới một cách như ý.

**Luận nói:** Biến mãn.

**Giải thích:** Phân thân pháp âm rõ ràng và trong sáng là có thể biến khắp mười phương thế giới một cách như ý.

**Luận nói:** Hiện thị.

**Giải thích:** Các chúng sinh khác nương theo thông tuệ của Bồ-tát, có thể thấy vô lượng thế giới và chư Phật Bồ-tát, tùy chỗ đáng thấy thì một cách như ý đều có thể thấy.

**Luận nói:** Chuyển biến.

**Giải thích:** Tánh của bốn đại lẫn nhau khiến cho đổi khác.

**Luận nói:** Qua lại.

**Giải thích:** Trong một sát-na có thể qua lại vô lượng thế giới. Thông tuệ này tự nó có ba thứ:

1. Tâm tột thông tuệ, là như đối tượng của tâm ứng niệm thì liền đến.

2. Tương thân thông tuệ nghĩa là cũng như chim bay.

3. Biến dị thông tuệ nghĩa là rút dài thành ngắn.

**Luận nói:** Rút xa thành gần.

**Giải thích:** Khiến cho xa thành gần không có khoảng giữa. Điều này có ba sự là thấy, nghe và làm.

**Luận nói:** Chuyển thô làm tế.

**Giải thích:** Khiến cho vô số thế giới vi tế hơn lân hư. Lân hư nhập lân hư như trước.

**Luận nói:** Biến tế thành thô.

**Giải thích:** Khiến cho một lân hư bao quát vô số thế giới, thế giới như trước.

**Luận nói:** Khiến cho tất cả sắc đều nhập vào thân.

**Giải thích:** Tất cả hy hữu có nhiều chủng sự, đều hiện trong thân.

**Luận nói:** Tợ đồng loại của nó nhập trong đại tập.

**Giải thích:** Như các Bồ-tát đến trời Đao-lợi thì đồng hình sắc và lấy âm thanh tiếng nói cõi trời đó, nhập vào đại tập, giáo hoá chúng trời kia.

**Luận nói:** Hoặc hiển hoặc ẩn.

**Giải thích:** Có thể trong chỗ trống không không có gì làm cho hiển hiện một hoặc nhiều thứ, có thể trong có làm cho ẩn tướng một hoặc nhiều.

**Luận nói:** Đủ tám tự tại.

**Giải thích:** Số tám như trước đã nói. Lại như Phật Thế Tôn khiến cho Ma vương tu hành Phật đạo, sau đó thành Phật cũng gọi là tự tại.

**Luận nói:** Ngăn chướng thân lực của người khác.

**Giải thích:** Duyên định lực của Bồ-tát mà khiến cho thông tuệ của người khác không được thành tựu.

**Luận nói:** Hoặc thí Biện Tài cho người khác.

**Giải thích:** Nếu người muốn vẩn nạn nhưng ngôn ngữ vụng về, Bồ-tát có thể thí cho người đó được tài biện luận.

**Luận nói:** Và ức niệm.

**Giải thích:** Nếu người tà kiến, thì khiến cho biết mạng sống đời trước mà tự nghiệm nhân quả.

**Luận nói:** Hỷ lạc.

**Giải thích:** Bồ-tát hoặc vào địa ngục, hoặc sinh vào thời đói kém, hoặc ở nơi tật bệnh, như chỗ thọ hỷ lạc của Bồ-tát, khiến cho chúng sinh này bình đẳng đều hỷ lạc như vậy, hoặc chỉ cùng với lạc, hoặc trước hết cùng với định, hoặc chính khi nghe pháp, khiến cho sanh hỷ lạc này trải qua sáu mươi tiểu kiếp, giống như khoáng sát-na.

**Luận nói:** Hoặc phóng quang minh.

**Giải thích:** Vì dẫn Bồ-tát phương khác đều đến tập hội.

**Luận nói:** Có thể dẫn đầy đủ tướng thông tuệ lớn lao.

**Giải thích:** Như thông tuệ của Thánh Thanh-văn có thể khởi một trăm linh một sự, thông tuệ của Bồ-tát hiện sự thì không thể nói số. Vì muốn làm rõ sự chưa nói cho nên trước hết nêu ra câu tổng quát này.

**Luận nói:** Có thể dẫn tất cả chánh hạnh khó hành.

**Giải thích:** Thành tựu tha sự như trước đã nói, dưới đây thuyết minh thêm tự hành của Bồ-tát. Định này có thể dẫn chánh hạnh của Bồ-tát, không phải chỗ hành của Nhị thừa.

**Luận nói:** Vì có thể nhiếp mười thứ chánh hạnh khó tu.

**Giải thích:** Mười thứ chánh hạnh này là chủng loại của định. Định có thể nhiếp chánh hạnh này.

**Luận nói:** Những gì là mười? 1. Tự thọ khó tu, vì tự thọ thiện nguyện Bồ-đề.

**Giải thích:** Nếu nương vào tha mà phát mười nguyện, thì đây không phải là khó hành, vì chưa thành lập. Bồ-tát tự có ba khả năng:

a. Có trí tuệ có thể hiểu phương tiện.

b. Có từ bi có thể nhiếp chúng sinh.

c. Có chánh cần có khả năng viên mãn mười nguyện.

Ba thứ khó đặc này Bồ-tát có thể đặc là do đủ ba khả năng này, không nương vào tha mà Tự có thể phát nguyện. Lại nữa, nếu vì tự thân mà thọ nguyện thiện việc người khác, nguyện này không phải khó. Nếu không có nhân duyên, chỉ vì người khác mà thọ, thì đó mới là khó.

**Luận nói:** 2. Không thể hối khó tu, nghĩa là do các khổ của sinh tử không khiến cho thoái chuyển.

**Giải thích:** Tám khổ của vô thủy sinh tử, và sau khi phát tâm sẽ thọ tám khổ thời gian lâu dài, không thể trái với từ bi của Bồ-tát, thoái chuyển Bồ-đề hạnh. Rộng nói như luận Địa trì, do đó khó tu.

**Luận nói:** 3. Không quay lưng với khó tu. Nghĩa là do chúng sinh làm ác, hoàn toàn đối với ác kia.

**Giải thích:** chúng sinh trong sinh tử hằng khởi hành ác, Bồ-tát không xét lỗi lầm mà giúp họ giải thoát, hằng hưởng chúng sinh kia hành thiện, do đó khó tu.

**Luận nói:** 4. Hiện tiền khó tu, nghĩa là đối với chúng sinh có oán hiện tiền, làm tất cả sự lợi ích.

**Giải thích:** Nếu chúng sinh đối với Bồ-tát khởi ác nặng nề, thì Bồ-tát đối với chúng sinh đó lấy ân đức lớn báo đáp cho, do đó khó tu.

**Luận nói:** 5. Vô nhiễm khó tu nghĩa là Bồ-tát sinh nơi thế gian,

không bị pháp thế gian làm nhiễm ô.

**Giải thích:** Bồ-tát do yêu thích cho nên nhập sinh tử. Đã nhập sinh tử rồi, không bị tám pháp của thế gian làm nhiễm ô. Yêu thích mà không nhiễm cho nên khó tu.

**Luận nói:** 6. Tin ưa khó tu là hành đối với Đại thừa không bờ mé, có thể tin ưa nghĩa thậm thâm rộng lớn.

**Giải thích:** Vô để có ba nghĩa:

1. Giáo khó nghĩ. 2. Đạo khó hành. 3. Quả khó đắc.

Oai đức viên mãn, lý vi tế rộng lớn. Oai đức sâu xa có ba nghĩa:

1. Như ý. 2. Thanh tịnh. 3. Vô biến dị lý.

Tức là lý của ba vô tánh, đều không phải cảnh giới của các địa dưới, cho nên khó tu.

**Luận nói:** 7. Thông đạt khó tu, nghĩa là có thể thông đạt nhân vô ngã và pháp vô ngã.

**Giải thích:** Trước hết đối với mười giải đã thông đạt nhân vô ngã, hiện tại đối với sơ địa thông đạt pháp vô ngã. Hai thứ không này là tánh có và tánh vô. Nếu có thể thông đạt thì cùng với pháp này đồng. Do đó khó tu.

**Luận nói:** 8. Tùygiác khó tu, nghĩa là Kinh Bất liễu nghĩa của chư Phật Như Lai rất thâm sâu, có thể như lý mà phán.

**Giải thích:** Chánh pháp mà Như Lai nói không ngoài liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Nếu chúng sinh chỉ có tín căn, chưa có trí căn, Như Lai vì làm thành tín căn đó mà nói Kinh Bất liễu nghĩa, như Nhị thừa giáo. Lại muốn phục trừ chúng sinh kiêu mạn mà nói kinh Bất liễu nghĩa, nói rộng như trong Luận Thập địa. Vì sinh văn, tư, tu cho nên nói Kinh Liễu nghĩa. Lời trong kinh Bất liễu nghĩa thì bí mật, có thể như lý mà phán, do đó khó tu.

**Luận nói:** 9. Không lìa không nhiễm khó tu, nghĩa là không bỏ sinh tử nhưng không bị sinh tử nhiễm ô.

**Giải thích:** Do từ bi cho nên không bỏ sinh tử, do Bát-nhã cho nên không bị nhiễm ô. Đối với sinh tử và Niết-bàn không nhiễm không trụ, do đó khó tu.

**Luận nói:** 10. Gia hạnh khó tu, nghĩa là chư Phật Như Lai trụ trong giải thoát tất cả chướng, không khởi công dụng mà có thể làm tất cả sự lợi ích chúng sinh, cho đến cùng tận sinh tử.

**Giải thích:** Hiểu đủ ba thân cho nên nói chư Phật Như Lai. Tất cả chướng, là ba chướng, bốn chướng, ba mươi chướng, Pháp thân đã đắc vô cấu thanh tịnh cho nên trụ trong giải thoát tất cả chướng. Pháp thân



thường trụ trong giải thoát, nương vào Pháp thân mà khởi Ứng thân. Đối với tất cả chánh sự và tự nhiên hằng lưu, không khởi công dụng mà nương vào Ứng thân khởi Hóa thân, hành tất cả sự lợi ích chúng sinh, tùy căn tánh mà khiến cho gieo trồng chủng tử thiện cho đến đắc giải thoát.

**Luận nói:** Lạc tu gia hạnh như vậy.

**Giải thích:** Muốn được niềm vui, khởi chánh căn là tu, hằng tu và cung kính tu làm gia hạnh, do đó khó tu.

**Luận nói:** Đối với tùygiác khó tu là chư Phật Như Lai nói Kinh Bát Liễu nghĩa. Nghĩa đó như thế nào? Bồ-tát phải tùy lý mà giác ngộ quán sát.

**Giải thích:** Trong mười thứ khó tu có chín nghĩa dễ hiểu, cho nên không giải thích lại. Nghĩa thứ tám khó hiểu, Bồ-tát phải tùy theo giác ngộ và quán sát, cần phải dạy thêm về tướng đó.

**Luận nói:** Như Kinh nói: Tại sao Bồ-tát không tổn một vật, không thí một người? Nếu Bồ-tát có thể khéo hành Bồ thí vô lượng vô số, đối với mười phương thế giới tu hạnh bố thí, tương tục sinh khởi.

**Giải thích:** Bồ-tát bỏ tự ái, nhiếp tất cả chúng sinh làm tự thể, tất cả hành đạo, tất cả tài vật, đều thuộc chúng sinh. Tiền của không phải chính mình có, dùng không phải của người khác. Tài vật đó sử dụng đó nào có liên quan đến ta? Nếu có thể vận tâm như vậy thì Bồ-tát có thể hành bố thí. Lại nữa, Bồ-tát bỏ tự ái, nhiếp tất cả chúng sinh làm tự thể thì tất cả chúng sinh hành bố thí, tức là Bồ-tát hành thí do đó Bồ-tát khởi tâm tùy hỷ, đắc phước bố thí vô lượng, cũng là không tổn một vật không thí một người, gọi là có thể khéo hành bố thí.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát thích làm Bồ thí? Nếu Bồ-tát không ưa thích làm tất cả bố thí.

**Giải thích:** Hoặc Bồ-tát không ưa thích làm tùychí thí... Tám loại bố thí, vì nghĩa chí chỉ có ưa thích làm tịnh tâm thí của Bồ-tát. Lại nữa, hoặc Bồ-tát không ưa thích tam luân thí dính mắc của thế gian, mà ưa thích làm tam luân thí không dính mắc. Lại nữa, nhiếp trước gọi là ưa thích, hoặc Bồ-tát nhiếp trước nhân của thí, hoặc nhiếp trước quả của thí thì đều gọi là ưa thích hành bố thí. Nếu Bồ-tát không nhiếp trước hành thí thì không gọi là ưa thích hành bố thí.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát hành tâm tin thí? Nếu Bồ-tát không hành tín tâm của chư Phật Như Lai.

**Giải thích:** Do Bồ-tát tự chứng thí cho nên hành bố thí, không do tin người khác mà hành bố thí. Tín trước có căn cho nên thành tín. Tín

sau không có căn cho nên không thành tín.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát phát hành bố thí? Nếu trong bố thí Bồ-tát không sách tấn tự thân.

**Giải thích:** Nếu bản chất của Bồ-tát có thể hành bố thí thì không có các chướng tham lam keo kiệt, tật đố, không phải sách tấn tự thân mới có thể hành bố thí.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát hằng du hí bố thí? Nếu Bồ-tát không có thời bố thí.

**Giải thích:** Bồ-tát phi thời bố thí, không tùy một vật nào để bố thí.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát hay hành bố thí lớn lao? Nếu Bồ-tát đối với bố thí mà lia Bà-la tưởng.

**Giải thích:** Tên Bà-la làm đề mục có hai nghĩa: 1. Mục trinh thật. 2. Mục tán loạn. Trinh thật là lời nói ngay thẳng, Tán loạn là lời nói bí mật. Nếu lấy lời nói thật lia lời nói ngay thẳng, thì cùng với việc bố thí lớn trái nhau. Nếu lấy lời bí mật lia tán loạn, thì cùng với việc bố thí lớn phù hợp nhau. Nếu lia dục của ba cõi, sau đó khi hành bố thí thì gọi là bố thí lớn. Tại sao vậy? Bồ-tát lia dục hành bố thí, là phạm phu cụ phước hành thí, dù họ hành thí gấp trăm ngàn vạn bội lần cũng không bằng Bồ-tát. Nếu bố thí quyết định ngại lẫn nhau thì không gọi là bố thí. Do không ngại nhau cho nên được tên lớn.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát đối với bố thí thanh tịnh? Nếu Bồ-tát Uất-ba-đề tham lận.

**Giải thích:** Tên Uất-ba-đề làm đề mục có hai nghĩa: 1. Mục sinh khởi. 2. Mục bạt căn khí bội. Sinh khởi là lời nói ngay thẳng, Bạt căn khí bội là lời nói mật. Nếu lấy lời ngay sinh khởi tham lận thì cùng với bố thí thanh tịnh trái nhau. Nếu lấy lời bí mật bạt căn khí tham bội lận thì cùng với bố thí thanh tịnh phù hợp nhau. Bạt căn là trừ thân kiến. Căn bản của thân kiến là tham lận. Khí bội là trừ thể của tham lận. Do Bồ-tát có thể đoạn thân kiến, diệt tham lận, thì đối với bố thí được thanh tịnh.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát có khả năng trụ vào pháp bố thí? Nếu Bồ-tát không trụ cứu cánh cuối cùng.

**Giải thích:** Sau cõi cứu cánh có hai nghĩa:

1. Thí có sơ, trung và hậu, lấy tối hậu làm cứu cánh sau cùng. Nếu y theo nghĩa này, không trụ phần tối hậu của bố thí, thì lẽ nào nói rằng có thể trụ nơi thí? Đây là trái nhau.

2. Nếu Hữu dư Niết-bàn gọi là cứu cánh, thì Vô dư Niết-bàn gọi

là cứu cánh cuối cùng. Nếu Thanh-văn trụ Vô dư Niết-bàn không khởi tâm trở lại nữa, không có sự lợi ích cho chúng sinh thì không thể trụ nơi bố thí. Nếu Bồ-tát nương vào đại bi, không đồng với Thanh-văn trụ Vô dư Niết-bàn, hằng khởi Lục độ không cùng tận, nếu nương vào nghĩa này thì cùng với Năng trụ thí phù hợp nhau.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát đối với thí tự tại? Nếu Bồ-tát đối với bố thí không được tự tại.

**Giải thích:** Nếu Bồ-tát không đặc thí chướng tự tại thì Bồ-tát đối với thí được tự tại. Trước kia khi trong phạm phu, kiến hoặc và tu hoặc không có đạo đối trị, muốn khởi thì liền khởi cho nên được tự tại. Hiện tại khi nhập Thánh vị bị đạo đối trị, Bồ-tát đối với hoặc không được tự tại, nhưng đối với thí được tự tại.

**Luận nói:** Vì sao Bồ-tát đối với thí vô tận? Nếu Bồ-tát không trụ trong vô tận.

**Giải thích:** Vô dư Niết-bàn gọi là vô tận. Bồ-tát không đồng với Thanh-văn nhập vào trong vô tận không có sự lợi ích, do đó Bồ-tát nơi thí được vô tận.

**Luận nói:** Như thí Kinh nói, từ giới cho đến Bát-nhã, như lý nên biết.

**Giải thích:** Như thí Kinh nói thí có lời không hiểu nghĩa, nói các độ khác cũng có lời nói không rõ nghĩa, đều phải như lý mà phân biệt.

**Luận nói:** Lại có Kinh nói: Thế nào là Bồ-tát hành sát sinh? Nếu Bồ-tát có mạng, chúng sinh đoạn mạng đó tương tục.

**Giải thích:** Nếu có mạng thì biết là có nghiệp. Nếu có nghiệp thì biết là có hoặc, do ba thứ mạng, nghiệp hoặc này mà bốn cõi sáu đường tương tục không đoạn. Nếu Bồ-tát tùycăn tánh các chúng sinh đó vì họ nói ba thừa Thánh đạo khiến họ tu hành đoạn ba pháp này (mạng, nghiệp, hoặc), đặc quả Vô dư Niết-bàn không tương tục tức là đoạn mạng cho nên gọi là sát sinh.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát đoạt không phải cái mà kẻ khác cho? Nếu Bồ-tát tự đoạt không phải cái mà kẻ khác cho chúng sinh.

**Giải thích:** Bồ-tát lấy đại bi nhiếp tất cả chúng sinh làm quyến thuộc của mình, khiến cho lìa hiểm nạn sinh tử. Không phải cái được cho bởi những người chủ và cha mẹ của các chúng sinh kia, cho nên gọi là đoạt không phải cái mà kẻ khác cho.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát hành tà dâm? Nếu Bồ-tát đối với dục trần khởi tà ý.

**Giải thích:** Ba nghiệp của Bồ-tát cùng với dâm dục trái nhau. Ý

biết dâm dục đó là hư vọng không thật, làm gốc cho nhiều ác. Khẩu cũng khởi nói như vậy. Thân không hành dâm dục đó, cũng là tương phản. Tức là đối với dục trần khởi tà ý, cho nên gọi là hành tà dâm.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát hay nói vọng ngữ? Nếu Bồ-tát y theo vọng đó có thể nói là vọng.

**Giải thích:** Tất cả pháp đều là hư vọng. Nếu Bồ-tát như hư vọng mà nói, thì gọi là hay nói vọng ngữ.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát nói hai lưỡi? Nếu Bồ-tát hằng trụ nơi xứ vắng lặng tuyệt đối không.

**Giải thích:** Nói hai lưỡi khiến cho kia và đây bất hoà. Bồ-tát thì nghĩ không nói không, khiến cho mình và người không thấy kia đây, huống chi là hoà hợp, cho nên gọi là hành nói hai lưỡi.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát năng trụ Ba-lưu-sư (ác Khẩu)? Nếu Bồ-tát trụ sở tri bỉ ngạn.

**Giải thích:** Nếu nương vào tên trực ngữ Ba-lưu-sư làm đề mục ác khẩu. Người trụ ác khẩu không được người khác thân cận, Bồ-tát trụ sở tri bỉ ngạn tức là lý của ba vô tánh, cũng không được chúng sinh thân cận. Vì lý này không phải hành xứ của phàm phu và Nhị thừa, cho nên gọi là hay trụ ác khẩu. Lại nữa, nếu y theo lời bí mật thì Ba-lưu-sư làm đề mục cho bỉ ngạn, tức là lấy lời nói bí mật để làm rõ lời chân thật.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát hay nói lời không tương ứng? Nếu Bồ-tát có thể phân phá các pháp và tùyloại giải thích.

**Giải thích:** Bồ-tát có thể phân phá các pháp, là căn, trần, thức đều không có. Không có này không phải quyết định là không, cũng không phải quyết định là có. Có và không đều bất khả đắc, nên gọi là hay nói lời không tương ứng.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát hành A-tỳ-trì-ha-lâu? Nếu Bồ-tát niệm niệm khiến cho tự thân đắc các Vô thượng định.

**Giải thích:** Nếu y theo lời ngay thì tên A-tỳ-trì-ha-lâu làm đề mục cho tham dục. Người hành tham dục thì chắc chắn là ưa thích ngoại trần. Bồ-tát hằng ưa thích khiến cho tự thân đắc định tối thắng, cho nên gọi là hành tham dục. Lại nữa, nếu y theo lời bí mật thì tên A-tỳ-trì-ha-lâu là đề mục cho niệm niệm được định, tức là lấy lời bí mật để làm rõ lời ngay thật.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát khởi tâm ghét hại? Nếu Bồ-tát đối với tâm địa của mình và người có thể hại các hoặc.

**Giải thích:** Giận dữ lấy ghét hại làm tướng. Bồ-tát khởi ý muốn đoạn tất cả phiền não của mình và người giải thích: Khởi tâm ghét hại.

**Luận nói:** Thế nào là Bồ-tát khởi tà kiến? Nếu Bồ-tát tất cả xử hành khắp tánh tà, như lý quán sát.

**Giải thích:** Đại thừa lấy hữu phân biệt làm tánh tà. Phân biệt tánh hành khắp đối với tánh y tha thì tức là tánh tà. Nếu lìa phân biệt thì gọi là tánh chân thật của nhân không và pháp không. Tiểu Thừa lấy thân kiến làm tánh tà, nhân theo thân kiến nầy mà sinh các hoặc. Nếu lìa thân kiến thì tất cả tà chấp đều không được khởi, đặc tánh chân thật của nhân không. Bồ-tát có thể như lý quán sát tánh tà nầy, thấy đó là tà cho nên gọi là khởi tà kiến.

**Luận nói:** Lại có Kinh nói Phật pháp thậm thâm.

**Giải thích:** Thứ nhất thuyết minh lục độ, kế đó làm rõ mười ác, dưới đây thuyết minh đạo và đạo quả cho nên nói thậm thâm.

**Luận nói:** Thế nào là thậm thâm? Trong Luận nầy tự phân biệt rộng tất cả Phật pháp, Thường trụ làm tánh, vì pháp thân thường trụ.

**Giải thích:** Pháp thân của chư Phật thường trụ, tất cả Phật pháp đều nương vào pháp thân, lấy pháp thân làm thượng thủ, pháp thân thường trụ làm tánh của tất cả Phật pháp.

**Luận nói:** Tất cả Phật pháp lấy đoạn làm tánh, do tất cả chướng đều đoạn hết.

**Giải thích:** Mỗi mỗi Phật pháp đều không có hoặc chướng và trí chướng, chướng đoạn hết là tánh của tất cả Phật pháp, phiền não hiện tại diệt là đoạn, phiền não vị lai chưa sinh là tận, tức là trí tận vô sinh.

**Luận nói:** Tất cả Phật pháp lấy sinh khởi làm tánh, do Hóa thân hằng sinh khởi.

**Giải thích:** Do bản nguyện từ bi sinh khởi Hóa thân tương tục vô tận, cho nên Hóa thân sinh khởi làm tánh của tất cả Phật pháp.

**Luận nói:** Tất cả Phật pháp lấy năng đắc làm tánh. Năng đắc cùng chung đối trị tám vạn bốn ngàn phiền não hạnh của chúng sinh.

**Giải thích:** Tất cả Phật pháp lấy vô sở đắc làm tánh, đây là chánh thuyết, do ba vô tánh cho nên không thể quyết định nói là có hay không. Tuy lấy vô đắc làm tánh, nhưng cũng có nghĩa năng đắc, nếu lìa Phật pháp thì bất năng đắc là chỗ đối trị hoặc của liễu biệt. Bất năng đắc an lập năng đối trị đạo.

**Luận nói:** Tất cả Phật pháp lấy hữu dụng làm tánh, vì chúng sinh có dụng do ái nhiếp khiến cho thành tự thể. Tất cả Phật pháp lấy sân làm tánh, tất cả Phật pháp lấy si làm tánh, tất cả Phật pháp lấy pháp phàm phu làm tánh.

**Giải thích:** Câu nầy có hai nghĩa:

1. Bồ-tát nhiếp tất cả chúng sinh có dục làm tự thể, vì tất cả Phật pháp đều nương vào tự thể này.

2. Đại bi làm sự yêu thích. Sự yêu thích tức là dục, Bồ-tát lấy đại bi nhiếp tất cả chúng sinh. Nương vào đại bi mà sinh phước đức và trí tuệ hạnh. Sân, si và pháp phàm phu cũng vậy.

**Luận nói:** Tất cả Phật pháp lấy vô nhiễm trước làm tánh, vì thành tựu chân như, tất cả chướng không thể nhiễm.

**Giải thích:** Đạo đoạn tất cả chướng sau chân như. Tận là vô cấu thanh tịnh cho nên gọi là thành tựu, tất cả chướng không có khả năng nhuộm nhơ, tất cả Phật pháp lấy chân như này làm thể tánh.

**Luận nói:** Tất cả Phật pháp không thể nhiễm trước, chư Phật xuất hiện nơi đời, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm.

**Giải thích:** Trước thuyết minh cảnh của chân như, ở đây thuyết minh trí của chân như. Chư Phật Bồ-tát lấy chân như trí làm thể, tức là Ứng thân, thể này là chỗ làm rõ chân như của Duy thức, không phải căn trần và phân biệt khởi, không phải tám thứ thế pháp, và chỗ khởi của thế pháp là chỗ có thể các hoặc của dục sân nhiễm trước. Tại sao vậy? Là vì đối trị các hoặc nhiễm kia, tu đắc vô phân biệt trí thành tựu, gọi là chư Phật xuất hiện nơi đời.

**Luận nói:** Do đó nói Phật pháp thậm thâm.

**Giải thích:** Câu này tổng kết ý trước, chỉ ra khó tư duy khó hành và khó đắc. Do đủ ba nghĩa đó cho nên gọi là thậm thâm.

**Luận nói:** Vì tu hành Ba-la-mật, vì thành thực chúng sinh, vì làm cõi Phật thanh tịnh, vì dẫn nhiếp tất cả Phật pháp, nên Tam-ma-đề nghiệp sai biệt của Bồ-tát phải biết.

**Giải thích:** Trong Luận này, thuyết minh Tam-ma-đề của Bồ-tát, không riêng nói về sự sai biệt, chỉ nói chung của các nghiệp sai biệt. Chư Bồ-tát tu định có chung và riêng. Chung thì có bốn thứ này. Riêng thì có năm trăm thứ. Bốn thứ này là nghiệp chung của các định. Tại sao vậy? Vì các Bồ-tát đã tu đắc định. Nương vào định này tu hành mười độ. Nương vào định này mà thành thực chúng sinh. Thế nào là thành thực chúng sinh? Nương vào định này mà khởi thông tuệ, dẫn khiến cho nhập chánh định vị. Lại nữa, nương vào lực của định này mà làm thanh tịnh cõi Phật. Tại sao vậy? Vì do tâm tự tại, có thể thành cõi tịnh báu vàng một cách như ý. Lại nữa, định này đặc hiện tại trụ an lạc, có thể dẫn dắt thành thực tất cả Phật pháp. Bốn sự này là sai biệt nghiệp của tất cả định chung, nên phải như vậy mà biết.